

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở Bệnh viện Phổi

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PHỔI TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-SYT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Sở Y tế Bình Thuận về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Bệnh viện Phổi tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế thực hiện dân chủ ở Bệnh viện Phổi”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 110/QĐ-BVP ngày 17/6/2021 trái với Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Trưởng, Phó Trưởng các khoa, phòng thuộc Bệnh viện Phổi; viên chức, người lao động thuộc Bệnh viện Phổi căn cứ Quyết định này thi hành.

Nơi nhận:

- BCD thực hiện QCDC Sở Y tế (b/c);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Như Điều 3;
- BCH Công đoàn; BCH Chi đoàn TN;
- Đăng lên Trang tin điện tử Bệnh viện Phổi;
- Lưu: VT, TC.

**GIÁM ĐỐC**

Lê Hồng Vũ

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH THUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỆNH VIỆN PHỔI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Thực hiện dân chủ ở Bệnh viện Phổi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-BVP
ngày 11/9/2023 của Giám đốc Bệnh viện Phổi)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở Bệnh viện Phổi tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi tắt là đơn vị), quyền và nghĩa vụ của viên chức, người lao động (sau đây viết tắt là VC-NLĐ) trong thực hiện dân chủ ở đơn vị và trách nhiệm của đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở đơn vị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở là đơn vị Bệnh viện Phổi.

2. Thực hiện dân chủ ở cơ sở là phương thức phát huy quyền làm chủ của VC-NLĐ được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Bảo đảm quyền của công dân, VC-NLĐ được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của đơn vị.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Điều 4. Phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở trong quy chế này

Công dân là VC-NLĐ thuộc Bệnh viện Phổi thực hiện dân chủ tại đơn vị nơi mình công tác theo Quy chế này.

Điều 5. Quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Được công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất sáng kiến, tham gia ý kiến, bàn và quyết định đối với các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Quy chế này và quy định khác của pháp luật có

liên quan.

3. Kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

4. Được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.
2. Tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến ở cơ sở theo quy định của Quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Chấp hành quyết định của đơn vị.
4. Kịp thời kiến nghị, phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.
5. Tôn trọng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Quyền thụ hưởng của công dân

1. Được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Được bảo đảm thực hiện các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Được thông tin đầy đủ, kịp thời về các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định của đơn vị, tổ chức ở nơi mình làm việc.
3. Được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, chế độ an sinh xã hội, sự an toàn, ổn định của đất nước, của địa phương, đơn vị, tổ chức và kết quả thực hiện dân chủ ở nơi mình làm việc.
4. Được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình.

Điều 8. Các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.
2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức công dân về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.
3. Nâng cao trách nhiệm của đơn vị, tổ chức, vai trò nêu gương của người đứng đầu, viên chức lãnh đạo, quản lý, đảng viên, VC-NLĐ trong việc thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở của đơn vị, tổ chức làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
4. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; phát hiện và xử lý nghiêm đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.
5. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực

hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số.

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bao che, cản trở, trù dập hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; tiết lộ thông tin về người tố cáo, người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để thực hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để xuyên tạc, vu khống, gây mâu thuẫn, kích động bạo lực, phân biệt vùng, miền, giới tính, tôn giáo, dân tộc, gây thiệt hại cho cá nhân, cơ quan, đơn vị, tổ chức.

5. Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

Điều 10. Xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức vi phạm quy định của Luật thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định khác của pháp luật có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của Luật thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chương II

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở ĐƠN VỊ (BỆNH VIỆN PHỔ)

Mục 1. CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở ĐƠN VỊ

Điều 11. Những nội dung người đứng đầu đơn vị phải công khai

Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, người đứng đầu đơn vị phải công khai trong nội bộ đơn vị các nội dung sau đây:

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến tổ chức và hoạt động của đơn vị;

2. Kế hoạch công tác hằng năm, hằng quý, hằng tháng của đơn vị;

3. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm

quyền quyết định và các nguồn tài chính khác; tình hình thực hiện dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách hằng năm của đơn vị; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có);

4. Tiêu chuẩn, định mức, thủ tục hành chính về tài sản công; tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công được giao quản lý, sử dụng;

5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công; nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; kế hoạch, chương trình đầu tư công của đơn vị, vốn bố trí theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công; kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công cho từng dự án; tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư công; tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án; tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án; kết quả nghiệm thu, đánh giá chương trình, dự án; quyết toán vốn đầu tư công;

6. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, quy hoạch, chuyển đổi vị trí công tác; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm, chấm dứt hợp đồng làm việc; đi công tác nước ngoài; giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đánh giá, xếp loại VC-NLĐ; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với VC-NLĐ; các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch và việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị;

7. Kết luận của cấp có thẩm quyền về vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong đơn vị; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật;

8. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trong nội bộ đơn vị;

9. Nội quy, quy chế, quy định của đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong đơn vị;

10. Kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của VC-NLĐ về những nội dung VC-NLĐ tham gia ý kiến quy định tại Điều 18 của Quy chế này;

11. Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến hoạt động của đơn vị;

12. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị.

Điều 12. Hình thức và thời điểm công khai thông tin ở đơn vị

1. Các hình thức công khai thông tin bao gồm:

- a) Niêm yết thông tin;
- b) Thông báo qua hệ thống thông tin nội bộ hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị;
- c) Thông báo tại hội nghị VC-NLĐ của đơn vị;
- d) Thông báo bằng văn bản đến toàn thể VC-NLĐ tại đơn vị;
- đ) Thông qua người phụ trách các bộ phận của đơn vị để thông báo đến VC-NLĐ;
- e) Thông báo bằng văn bản đến tổ chức đảng, Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị

để thông báo đến VC-NLĐ tại đơn vị;

g) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị.

2. Nội dung thông tin quy định tại Điều 11 của Quy chế này phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin ở đơn vị

1. Trường hợp đơn vị đã có trang thông tin điện tử nội bộ hoặc hệ thống thông tin điện tử nội bộ thì người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm tổ chức đăng tải các thông tin quy định tại Điều 11 của Quy chế này trên trang thông tin điện tử nội bộ hoặc hệ thống thông tin điện tử nội bộ ít nhất là 20 ngày liên tục kể từ ngày bắt đầu đăng tin hoặc gửi thông tin, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp không đăng lên trang thông tin điện tử nội bộ hoặc hệ thống thông tin điện tử nội bộ thì người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm tổ chức niêm yết các thông tin quy định tại Điều 11 của Quy chế này tại trụ sở của đơn vị và nơi làm việc của các đơn vị, bộ phận có liên quan trực tiếp ít nhất là 20 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, trừ trường hợp đã sử dụng hình thức thông báo bằng văn bản đến toàn thể VC-NLĐ tại đơn vị hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Cùng với việc thực hiện công khai thông tin bằng các hình thức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, căn cứ vào đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung cần công khai, người đứng đầu đơn vị có thể quyết định lựa chọn thêm các hình thức công khai khác quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy chế này phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, bảo đảm để VC-NLĐ tiếp cận thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, thuận lợi.

4. Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo yêu cầu của VC-NLĐ đối với những thông tin trong thời hạn công khai mà chưa được công khai, thông tin đã hết thời hạn công khai hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng mà người yêu cầu không thể tiếp cận được.

5. Đơn vị có thể xác định thêm các nội dung thông tin cần công khai, hình thức công khai, việc áp dụng các hình thức công khai đối với từng loại nội dung thông tin nhất định và cách thức thực hiện, việc cung cấp thông tin theo yêu cầu trong quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị phù hợp với đặc điểm tổ chức, hoạt động, điều kiện thực tế của đơn vị và không trái với quy định tại Mục này.

6. Trường hợp pháp luật có quy định khác về hình thức, cách thức thực hiện công khai đối với nội dung thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

Mục 2. VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 14. Những nội dung VC-NLĐ bàn và quyết định

1. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị.

2. Việc thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của VC-NLĐ tại đơn vị ngoài các khoản đã được pháp luật quy định.

3. Nội dung nghị quyết hội nghị VC-NLĐ.

4. Các công việc tự quản khác trong nội bộ đơn vị không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.

Điều 15. Hình thức VC-NLĐ bàn và quyết định

1. VC-NLĐ tại đơn vị bàn và quyết định các nội dung quy định tại Điều 14 Quy chế này tại hội nghị VC-NLĐ trên cơ sở đề xuất của Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị, người đứng đầu đơn vị hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số VC-NLĐ của đơn vị cùng đề nghị.

2. Trường hợp không thể tổ chức hội nghị VC-NLĐ của đơn vị vì lý do bất khả kháng hoặc hội nghị đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn không có đủ số người tham dự quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 của Quy chế này thì người đứng đầu đơn vị sau khi đã thống nhất với Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị quyết định tổ chức gửi phiếu lấy ý kiến của toàn thể VC-NLĐ trong đơn vị.

Điều 16. Tổ chức hội nghị VC-NLĐ

1. Hội nghị VC-NLĐ do người đứng đầu đơn vị chủ trì, phối hợp với Công đoàn đơn vị tổ chức.

Hội nghị VC-NLĐ được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần sau khi kết thúc năm công tác của đơn vị nhưng không chậm hơn 03 tháng của năm công tác tiếp theo do người đứng đầu đơn vị quyết định sau khi lấy ý kiến của Công đoàn đơn vị.

Hội nghị VC-NLĐ được tổ chức bất thường khi có đề xuất của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Quy chế này.

2. Thành phần dự hội nghị VC-NLĐ được quy định như sau:

a) Đối với đơn vị có tổng số VC-NLĐ từ 100 người trở lên hoặc có ít hơn 100 người nhưng làm việc phân tán trên địa bàn rộng hoặc vì lý do nghiệp vụ không thể bỏ vị trí làm việc, thì người đứng đầu đơn vị thống nhất với Công đoàn đơn vị quyết định thành phần tham dự hội nghị là toàn thể VC-NLĐ hoặc đại biểu VC-NLĐ phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị;

b) Hội nghị được tổ chức hợp lệ khi có ít nhất là hai phần ba tổng số VC-NLĐ của đơn vị hoặc ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu được triệu tập có mặt. Nghị quyết, quyết định của hội nghị được thông qua khi có trên 50% tổng số người dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.

3. Nội dung của hội nghị VC-NLĐ bao gồm:

a) Kiểm điểm việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

b) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết hội nghị VC-NLĐ trước đó và những quy định về thực hiện dân chủ tại đơn vị;

c) Đánh giá, tổng kết và kiểm điểm trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch công tác hằng năm;

d) Tổng kết phong trào thi đua, xét khen thưởng và bàn, thống nhất nội dung thi đua năm tiếp theo; thống nhất nội dung giao ước thi đua;

đ) Thảo luận và quyết định các nội dung quy định tại Điều 14 Quy chế này;

e) Thực hiện các nội dung về công khai thông tin; lấy ý kiến của VC-NLĐ về những nội dung quy định tại Điều 18 của Quy chế này;

g) Thực hiện các công việc khác theo quyết định của hội nghị.

4. Trình tự tổ chức hội nghị được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu đơn vị trình bày báo cáo về các nội dung quy định tại điểm a

và điểm c khoản 3 Điều này;

b) Đại diện Công đoàn đơn vị báo cáo về các nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; kết quả giám sát, hỗ trợ VC-NLĐ thực hiện dân chủ ở đơn vị;

c) VC-NLĐ tham dự hội nghị thảo luận, tham gia ý kiến, đề xuất, kiến nghị (nếu có);

d) Người đứng đầu đơn vị, Chủ tịch Công đoàn đơn vị tiếp thu, giải đáp thắc mắc, kiến nghị của VC-NLĐ đối với các nội dung thuộc thẩm quyền, bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của VC-NLĐ trong đơn vị, các biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tiếp theo của đơn vị;

đ) Đại diện Ban Thanh tra nhân dân trình bày báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong năm và chương trình công tác năm tiếp theo;

e) Hội nghị quyết định các nội dung quy định tại Điều 14 Quy chế này (nếu có);

g) Tổ chức khen thưởng cá nhân, tập thể của đơn vị có thành tích trong công tác; phát động phong trào thi đua;

h) Ký kết giao ước thi đua giữa người đứng đầu đơn vị với tổ chức công đoàn;

i) Thông qua nghị quyết hội nghị.

Điều 17. Trách nhiệm trong việc tổ chức để VC-NLĐ bàn, quyết định và thực hiện quyết định của tập thể VC-NLĐ

1. Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị thống nhất chủ trương, xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị VC-NLĐ hoặc tổ chức gửi phiếu lấy ý kiến để VC-NLĐ bàn, quyết định các nội dung quy định tại Điều 14 Quy chế này.

2. Người đứng đầu đơn vị phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của hội nghị VC-NLĐ, quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị và các nội dung khác đã được VC-NLĐ thống nhất, quyết định; cử đầu mối để phối hợp, theo dõi, đề xuất xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Định kỳ 06 tháng một lần, người đứng đầu đơn vị phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị VC-NLĐ; thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá đến toàn thể VC-NLĐ trong đơn vị.

4. Đảng viên, VC-NLĐ trong đơn vị có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung quy định tại Điều 14 Quy chế này và nghiêm túc thực hiện các quyết định đã được tập thể thống nhất; trường hợp nhận thấy quyết định của tập thể VC-NLĐ không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì có quyền kiến nghị, phản ánh đến Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên, lãnh đạo cấp trên trực tiếp của đơn vị hoặc cơ quan khác có thẩm quyền.

Mục 3. VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA Ý KIẾN

Điều 18. Những nội dung VC-NLĐ tham gia ý kiến trước khi người đứng đầu đơn vị quyết định

1. Giải pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Kế hoạch công tác hằng năm của đơn vị.

3. Tổ chức phong trào thi đua của đơn vị.

4. Báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị.
5. Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiến hà, sách nhiễu Nhân dân.
6. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng viên chức; bầu cử, bổ nhiệm viên chức.
7. Thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của VC-NLĐ.
8. Dự thảo quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị.
9. Dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị (nếu có).
10. Các dự thảo nội quy, quy chế khác của đơn vị.
11. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị.

Điều 19. Hình thức VC-NLĐ tham gia ý kiến

Căn cứ đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung tham gia ý kiến, VC-NLĐ có thể tham gia ý kiến thông qua một hoặc một số hình thức sau đây:

1. Tham gia ý kiến trực tiếp với người đứng đầu đơn vị hoặc thông qua người phụ trách các bộ phận của đơn vị;
2. Thông qua hội nghị VC-NLĐ và các cuộc họp, hội nghị khác của đơn vị;
3. Thể hiện ý kiến qua phiếu lấy ý kiến trực tiếp hoặc dự thảo văn bản do cấp có thẩm quyền gửi;
4. Tham gia ý kiến qua hòm thư góp ý, đường dây nóng, hệ thống thông tin nội bộ hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị;
5. Thông qua Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác tại đơn vị;
6. Các hình thức khác không trái với quy định của pháp luật và được quy định trong quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị.

Điều 20. Trách nhiệm trong việc tổ chức để VC-NLĐ tham gia ý kiến

1. Người đứng đầu đơn vị có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến VC-NLĐ về các nội dung quy định tại Điều 18 của Quy chế này, trong đó xác định rõ nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của VC-NLĐ; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia và thực hiện việc công khai nội dung giải trình, tiếp thu đến VC-NLĐ.

2. Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị phối hợp với người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến; giám sát việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến, quá trình lấy ý kiến, kết quả giải trình, tiếp thu và tổ chức thực hiện các nội dung VC-NLĐ đã tham gia ý kiến; tham gia ý kiến trước khi người đứng đầu đơn vị quyết định ban hành quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị.

3. Đảng viên, VC-NLĐ trong đơn vị có trách nhiệm tích cực, gương mẫu đóng góp, tham gia ý kiến làm cơ sở cho cấp có thẩm quyền quyết định; theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với các nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến VC-NLĐ và quá trình tổ chức thực hiện quyết định về các nội dung này.

Mục 4. VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Tiểu mục 1. NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 21. Nội dung VC-NLĐ kiểm tra, giám sát

1. VC-NLĐ kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà tập thể VC-NLĐ đã bàn và quyết định quy định tại Điều 14 Quy chế này.

2. VC-NLĐ giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của người đứng đầu, ban lãnh đạo, người có thẩm quyền của đơn vị, hành vi hành chính của người thực thi công vụ, nhiệm vụ tại đơn vị.

Điều 22. Hình thức VC-NLĐ kiểm tra, giám sát

1. VC-NLĐ trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:

- a) Hoạt động học tập, công tác, sinh hoạt của VC-NLĐ ở đơn vị;
- b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với người có chức vụ, quyền hạn, VC-NLĐ khác trong đơn vị;
- c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của đơn vị hoặc người được giao quản lý, thực hiện các nội dung VC-NLĐ đã bàn và quyết định;
- d) Tham dự hội nghị VC-NLĐ.

2. VC-NLĐ thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị.

Điều 23. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của VC-NLĐ

1. Thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp, VC-NLĐ tham gia nhận xét, góp ý kiến về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu, ban lãnh đạo, người quản lý, phụ trách trực tiếp, những người có thẩm quyền khác tại đơn vị; tích cực tham gia ý kiến góp phần xây dựng nội bộ đơn vị trong sạch, vững mạnh.

2. Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, VC-NLĐ có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật hoặc kiến nghị, phản ánh đến người đứng đầu đơn vị, đến tổ chức Công đoàn hoặc các tổ chức đoàn thể khác mà mình là thành viên được thành lập và hoạt động ở đơn vị hoặc phản ánh, đề nghị Ban Thanh tra nhân dân xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị thay mặt VC-NLĐ thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định tại Tiểu mục 2 của Mục này.

Điều 24. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để VC-NLĐ thực hiện kiểm tra, giám sát

1. Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, đặc điểm, tính chất tổ chức, hoạt động và điều kiện thực tế của đơn vị, xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị để quy định cụ thể hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở đơn vị làm cơ sở để VC-NLĐ kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Nội dung của quy chế thực hiện dân chủ của đơn vị có thể mở rộng hơn phạm vi thực hiện dân chủ của VC-NLĐ nhưng không được trái hoặc hạn chế việc thực hiện các nội dung đã được quy định trong Luật thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở;

b) Tạo lập cơ chế tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh của VC-NLĐ tại đơn vị; thực hiện việc đối thoại, giải trình với VC-NLĐ theo quy định của pháp luật; sử dụng

nội dung nhận xét, góp ý của VC-NLĐ trong quá trình thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng VC-NLĐ tại đơn vị;

c) Xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của VC-NLĐ, kiến nghị của Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác tại đơn vị; kịp thời báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

d) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

đ) Xử lý người có hành vi cản trở VC-NLĐ thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoặc người có hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, tiêu cực; xử lý và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng, tiêu cực; nếu thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng, tiêu cực trong đơn vị thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của VC-NLĐ theo thẩm quyền hoặc thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. VC-NLĐ chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà mình đã kiến nghị, đề nghị.

Tiểu mục 2. BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở ĐƠN VỊ

Điều 25. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị

1. Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị do hội nghị VC-NLĐ bầu gồm từ 03 đến 09 thành viên theo đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị.

Trường hợp đơn vị có tính chất đặc thù hoặc hoạt động phân tán thì hội nghị VC-NLĐ có thể quyết định số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân nhiều hơn để bảo đảm hoạt động có hiệu quả.

2. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân là người đang công tác trong đơn vị, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong đơn vị, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân; không đồng thời là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị.

3. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân là 02 năm. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết thành viên hoặc thành viên Ban Thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tin nhiệm hoặc xin thôi làm nhiệm vụ thì Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị đề nghị hội nghị VC-NLĐ quyết định cho thôi làm nhiệm vụ và bầu người khác thay thế.

4. Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị

1. Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể VC-NLĐ; giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở tại đơn vị.

2. Kiến nghị cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

3. Yêu cầu người đứng đầu đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát.

4. Xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo đề nghị của VC-NLĐ ở đơn vị.

5. Kiến nghị người đứng đầu đơn vị khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của VC-NLĐ; biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

6. Tham dự các cuộc họp của đơn vị có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

7. Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của VC-NLĐ có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 27. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị

1. Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị do Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động.

2. Căn cứ vào nghị quyết hội nghị VC-NLĐ của đơn vị và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình công tác theo từng quý, 06 tháng và hằng năm.

3. Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm báo cáo về hoạt động của mình với Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị và tại hội nghị VC-NLĐ của đơn vị.

Điều 28. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị

1. Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm sau đây:

a) Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân về những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chủ yếu liên quan đến tổ chức, hoạt động của đơn vị; báo cáo kết quả công tác hằng năm và mục tiêu, phương hướng công tác năm tiếp theo của đơn vị;

b) Trực tiếp đối thoại, cung cấp thông tin hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Thanh tra nhân dân;

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị;

d) Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở đơn vị;

đ) Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Công đoàn đơn vị có trách nhiệm sau đây:

a) Giới thiệu nhân sự đề hội nghị VC-NLĐ bầu làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân; công nhận kết quả bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân; đề nghị cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân; tổ chức cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên;

b) Hướng dẫn Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung công tác; xem xét báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân khi xét thấy cần thiết;

c) Xem xét, giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân gửi đến người đứng đầu đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền;

d) Vận động VC-NLĐ ở đơn vị phối hợp và tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

đ) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân;

3. Cụ thể và chi tiết tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị thực hiện theo Điều 20 đến Điều 23 tại Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT** **VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ**

Điều 29. Trách nhiệm của Công đoàn Bệnh viện Phổi

1. Tổ chức vận động VC-NLĐ thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổ chức các phong trào thi đua về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn VC-NLĐ thực hiện dân chủ ở đơn vị.

3. Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của VC-NLĐ về thực hiện dân chủ ở cơ sở để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; theo dõi, giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của VC-NLĐ.

4. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở của đoàn viên công đoàn.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 30. Trách nhiệm của Chi đoàn Bệnh viện Phổi

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của đoàn viên về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở của đoàn viên.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Các nội dung Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 110/QĐ-BVP ngày 17/6/2021 trái với Quy chế này sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.

Điều 32. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quy chế này có sự sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

Phòng Tổ chức - Hành chính phối hợp với các khoa, phòng trong Bệnh viện tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Phòng Tổ chức - Hành chính có trách nhiệm tổng hợp, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ về Sở Y tế theo quy định. /*th*



Lê Hồng Vũ